TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:214/2025/LĐ-ST Ngày:15-5-2025 V/v tranh chấp hợp đồng lao động	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Vân – Phó chủ tịch liên đoàn lao động thành phố Thuận An;

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Vương Triều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy– Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 178/2025/TLST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng lao động", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH H. Địa chỉ: Đường D, KSX B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1991; địa chỉ; 9 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt;

Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Từ tháng 4/2005 đến tháng 6/2011, ông T làm việc ở Công ty TNHH T2. Trong khoảng thời gian này, ông T có cho ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1991

mượn hồ sơ để đi làm tại ở Công ty TNHH H**.** Đến nay do cần rút bảo hiểm nhưng khi thực hiện thủ tục rút bảo hiểm thì có sự trùng lắp hồ sơ bảo hiểm nên không thể rút bảo hiểm được. Nhận thấy việc ông Nguyễn Trọng T1 mượn hồ sơ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H là sai quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Trọng T (do ông Nguyễn Trọng T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH H từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2010 là vô hiệu.

Do Nguyễn Trọng T đồng ý cho ông Nguyễn Trọng T1 sử dụng hồ sơ của mình để làm việc tại Công ty TNHH H dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH H trình bày:

Công ty TNHH H và ông Nguyễn Trọng T có ký hợp đồng lao động vào tháng 5/2007 và công ty có tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Trọng T đầy đủ từ tháng 5/2007 đến khi ông Nguyễn Trọng T nghỉ việc vào tháng 3/2010. Khi ông Nguyễn Trọng T đến công ty làm việc thì có cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, giấy CMND, đơn xin việc làm. Hồ sơ đều thể hiện tên người xin việc là ông Nguyễn Trọng T. Vì vậy, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Nguyễn Trọng T chứ không phải ông Nguyễn Trọng T1, và hồ sơ lưu của công ty không có tên ông Nguyễn Trọng T1. Đến ngày 11 tháng 4 năm 2025 Công ty có nhận giấy triệu tập của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An về việc Tranh chấp hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Trọng T (do ông Nguyễn Trọng T1 là người ký kết) với Công ty TNHH H từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2010 là vô hiệu toàn bộ. Do đó, công ty thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty không có yêu cầu phản tố đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T1 trình bày:

Ông Nguyễn Trọng T1 có mượn hồ sơ cá nhân của ông T để xin việc tại Công ty TNHH H. Trên thực tế ông T1 là người trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH H từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2010 thì nghỉ việc. Nay ông T yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Trọng T (do ông Nguyễn Trọng T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH H từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2010 là vô hiệu thì ông T1 đồng ý. Ông T1 không yêu cầu gì đối với thời gian tham gia bảo hiểm này.

Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Từ tháng 4/2005 đến tháng 6/2011, ông Nguyễn Trọng T làm việc ở Công ty TNHH T2 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với số sổ là **9105005300**. Đồng thời,

trong khoảng thời gian này, ông T có tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH H (từ tháng 05/2007 đến tháng 3/2010) theo số bảo hiểm xã hội là **9107086080.** Trong quá trình tham gia bảo hiểm các Công ty đều có tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho Nguyễn Trọng T, sinh ngày 21/4/1985, số căn cước công dân 038085015854. Các mã bảo hiểm đều đã được bảo hiểm xã hội xác nhận chốt sổ, chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền theo quy dịnh pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Về kiến nghị khắc phục: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Ông Nguyễn Trọng T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Trọng T (do ông Nguyễn Trọng T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH H từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2010 là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH H. Địa chỉ: Đường D, KSX B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T, bị đơn Công ty TNHH H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 và Bảo hiểm thành phố T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung có yêu cầu: ông Nguyễn Trọng T1 sử dụng hồ sơ xin việc mang tên ông Nguyễn Trọng T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2010, được công ty tham gia BHXH được thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số số: **9107086080** cho ông Nguyễn Trọng T, đồng thời tại thời điểm từ tháng 4/2005 đến tháng 6/2011, ông Nguyễn Trọng T tham gia bảo hiểm

xã hội tại Công ty TNHH T2 là **9105005300**. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội cung cấp, có cơ sở xác định: Việc ông T1 sử dụng thông tin hồ sơ xin việc của ông T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Trọng T và Công ty TNHH H từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2010 là có cơ sở chấp nhận. Do hợp đồng lao động vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[4.1] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, từ chối nhận các quyền lợi có liên quan đến việc tham gia BHXH tại Công ty TNHH H. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có yêu cầu phản tố. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc "tranh chấp hợp đồng lao động" đối với Công ty TNHH H.

2. Tuyên hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Trọng T *(do ông Nguyễn Trọng T1 ký kết)* với Công ty TNHH H (thời gian làm việc từ tháng 5/2007 đến tháng

3/2010) vô hiệu. Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Nguyễn Trọng T theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trọng T tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001000 ngày 24/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Võ Thị Thu Thảo